



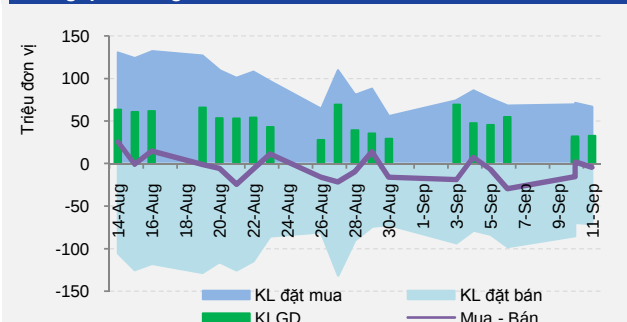
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 12/9/2013

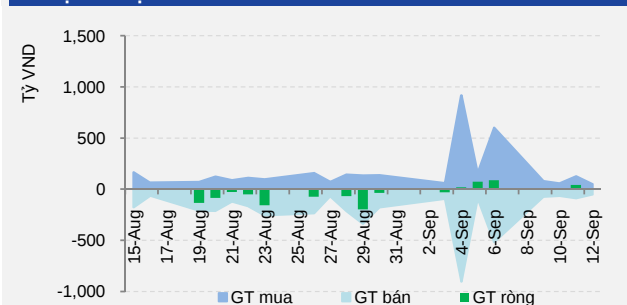
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	475.6	60.0
% Thay đổi	↓ -0.2%	↓ -0.3%
KLGD (CP)	32,565,556	14,380,983
GTGD (tỷ đồng)	455.28	94.92
Tổng cung (CP)	70,974,020	30,500,100
Tổng cầu (CP)	66,721,730	25,703,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	2,015,002	113,728
KL mua (CP)	2,190,902	141,000
GTmua (tỷ đồng)	51.38	1.89
GT bán (tỷ đồng)	49.64	1.41
GT ròng (tỷ đồng)	1.74	0.48

Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.75%	7.0	1.5	1.9%
Công nghiệp	↓ -0.01%	67.9	1.0	14.3%
Dầu khí	↑ 0.36%	6.6	1.4	1.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.08%	12.6	1.8	1.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.45%	8.5	2.8	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.42%	14.0	4.8	11.0%
Ngân hàng	↓ -0.20%	6.5	1.2	29.5%
Nguyên vật liệu	↑ 0.67%	8.9	2.0	13.0%
Tài chính	↓ -0.49%	16.2	2.4	20.6%
Tiền ích Cộng đồng	→ 0.00%	9.4	3.4	6.0%
VN - Index	↓ -0.17%	12.5	2.9	83.4%
HNX - Index	↓ -0.28%	27.1	1.5	16.6%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	216,120	0.7%	402,890	1.2%
GTGD (triệu VND)	3,528	0.8%	5,874	1.3%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index giảm điểm nhẹ với thanh khoản giảm mạnh. Diễn biến giao dịch âm ảm, biến động giá trong phiên không đáng kể cho thấy tâm lý thị trường phần lớn đang trong trạng thái theo dõi quan sát. Chỉ số VN-Index vẫn đang tạo nên một xu thế đi ngang biến động quanh 470-480 điểm. Chúng tôi cho rằng nếu xu thế đi ngang kéo dài mà không có sự bứt phá đáng kể nào về điểm số hoặc khối lượng thì áp lực giảm điểm sẽ tăng lên. Đối với sàn HNX, chỉ số HNX-Index vẫn đang dao động quanh ngưỡng cản là đường trung bình ngắn hạn EMA9 với khối lượng giao dịch thấp. Những biến động này không làm thay đổi xu hướng giảm của thị trường, với ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật gần nhất là khoảng 58 điểm.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị nhà đầu tư tiếp tục quan điểm thận trọng trong giai đoạn thị trường nhạy cảm hiện tại, duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp.

- VN-Index giảm điểm nhẹ trở lại, thị trường giảm 0.81 điểm (-0.17%) xuống mức 474.96 điểm. Mức cao nhất của chỉ số này là 477.25 điểm.

- HNX-Index giảm 0.17 điểm (-0.16%) xuống mức 60.02 điểm. Biến động trong phiên khá nhỏ.

- Ngày 11/9/2013, HNX tổ chức phiên đấu thầu trái phiếu Chính phủ do Kho bạc Nhà nước phát hành với tổng khối lượng gọi thầu 2,000 tỷ đồng chia đều cho 4 kỳ hạn 2 năm, 3 năm, 5 năm và 10 năm. Trái phiếu kỳ hạn 3 năm huy động được 100 tỷ đồng với lãi suất 8.3%/năm, trái phiếu kỳ hạn 5 năm huy động được 80 tỷ đồng với lãi suất 9.1%/năm, đều cao hơn 0.60%/năm so với lãi suất trúng thầu phiên trước đó. Các kỳ hạn khác không có lãi suất trúng thầu. Như vậy, dòng tiền đổ vào kênh trái phiếu sau diễn biến tăng nóng nửa đầu năm, hiện đã thận trọng hơn trước khả năng nóng lên của hệ số CPI.

- Trên thị trường thứ cấp, NĐTNN đã quay trở lại mua ròng trái phiếu trong 3 phiên trở lại đây với tổng giá trị 722 tỷ đồng. Diễn biến này giúp đưa giá trị giao dịch ròng của khối ngoại lên mua ròng 439 tỷ đồng trái phiếu tính từ đầu tháng 9, sau 3 tháng bán ròng liên tiếp vừa qua.

- Theo NHNN, đến ngày 31/8, gói tín dụng hỗ trợ nhà ở trị giá 30,000 tỷ đồng mới giải ngân được 113.86 tỷ đồng trên tổng số 813 tỷ đồng cam kết cho vay. Cụ thể, đối với khách hàng cá nhân, các ngân hàng đã cam kết cho vay 331 trường hợp với số tiền hơn 105 tỷ đồng, giải ngân được 69.4 tỷ đồng, tương đương 66%. Đối với doanh nghiệp, các Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng với số tiền 708 tỷ đồng, giải ngân được 44.46 tỷ đồng, tương đương 6.2%. Theo lãnh đạo Bộ Xây dựng, trở ngại lớn nhất khi giải ngân gói hỗ trợ này là quỹ nhà ở giá rẻ còn hạn chế. Cả nước hiện có khoảng 167 dự án nhà ở xã hội đang triển khai, trong đó 34 dự án nhà ở cho người thu nhập thấp đã hoàn thành với quy mô gần 19,000 căn, 32 dự án đang tiếp tục thực hiện với quy mô gần 20,000 căn. Bộ Xây dựng dự tính việc giải ngân nguồn vốn từ gói hỗ trợ nhà ở trong năm 2013 đạt 5,000 tỷ đồng là đạt yêu cầu.

- Hôm nay NHNN đã đấu thầu thành công 19,900 lượng vàng trên tổng số 20,000 lượng vàng đem đấu thầu với giá trúng thầu từ 37.94 - 38 triệu đồng/lượng. Khi phiên đấu thầu kết thúc, giá vàng trong nước theo xu hướng giảm nhẹ, xuống dưới mốc 38 triệu đồng/lượng, do giá quốc tế giảm mạnh. Tuy nhiên mức giảm của giá vàng trong nước không tương xứng với thế giới, khiến chênh lệch giữa giá vàng trong nước và thế giới được nới rộng lên 3.7 triệu đồng/lượng, từ mức khoảng 3 triệu đồng/lượng vào những ngày trước đó.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Đi ngang	Giảm	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Giảm	Giảm	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index giảm điểm nhẹ trở lại, thị trường giảm 0.81 điểm (-0.17%) xuống mức 474.96 điểm. Mức cao nhất của chỉ số này là 477.25 điểm.

- KLGD phiên hôm nay giảm xuống chỉ còn hơn 25 triệu cổ phiếu giao dịch, thanh khoản thấp, giao dịch ảm đạm.

- Chỉ số RSI quanh vùng 40 điểm, tâm lý thị trường vẫn trong vùng bị quan.

Nhận định: Thị trường giảm điểm trở lại trong bối cảnh thanh khoản giảm sút đáng kể, giao dịch có phần ảm đạm, biến động trong phiên nhỏ cho thấy tâm lý thị trường phần lớn đang trong trạng thái theo dõi quan sát. Chúng tôi cho rằng nếu xu thế đi ngang này kéo dài không có sự bứt phá đáng kể nào về điểm số hoặc khối lượng thì áp lực giảm điểm sẽ tăng lên. Do đó nhà đầu tư vẫn nên tiếp tục duy trì quan điểm thận trọng, duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp.

HNX-INDEX

- HNX-Index giảm 0.17 điểm (-0.16%) xuống mức 60.02 điểm. Biến động trong phiên khá nhỏ.

- KLGD giảm chỉ còn hơn 12 triệu cổ phiếu giao dịch, thanh khoản thấp, giao dịch thị trường ảm đạm.

- Chỉ số RSI ở mức 40 điểm, tâm lý thị trường vẫn nghiêng về bị quan.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index đang ở gần ngưỡng cản là đường trung bình ngắn hạn EMA9 với khối lượng giao dịch thấp cho thấy những biến động này không ảnh hưởng đến xu hướng hiện tại của thị trường. Nhà đầu tư vẫn nên đứng ngoài hoặc duy trì tỷ trọng cổ phiếu ở mức thấp, ưu tiên cổ phiếu cơ bản, thanh khoản cao.



LỘC CỔ PHIẾU

Dòng tiền tiếp tục quan tâm tới nhóm cổ phiếu có yếu tố cơ bản tốt, có KQKD Q2 khả quan tại sàn HOSE. Dòng tiền tham gia sàn HNX rất hạn chế.

Chúng tôi duy trì nhận định nhóm cổ phiếu Bluechips có nền tảng cơ bản tốt vẫn là cơ hội đầu tư đáng quan tâm trong năm 2013. Chúng tôi thống kê Top 10 mã cổ phiếu có KLGD bình quân > 50,000 cổ phiếu/phần trong 1 tháng gần nhất, theo một số chỉ tiêu tài chính sau:

TOP CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN Q2.2013 SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	VDS	5.01	4454.5%	5.14	55.8%	27.4%	6,885	(737)	-4.75	0.51	-3.18	-10.65
2	NKG	17.79	817.0%	43.06	1275.7%	114.8%	10,736	(1,991)	-4.47	0.83	-2.53	-19.23
3	KMR	6.99	752.4%	2.22	105.6%	18.0%	12,491	115	22.68	0.21	0.68	0.97
4	PPC	355.94	467.1%	1299.95	565.0%	387.6%	15,679	5,411	3.66	1.26	14.41	38.41
5	HNH	3.09	415.3%	1.26	164.0%	40.6%	10,629	356	19.97	0.67	2.07	3.38
6	KLS	26.47	329.6%	77.45	55.0%	#DIV/0!	12,626	244	33.58	0.65	1.85	1.95
7	NDN	5.97	311.7%	6.64	137.1%	53.4%	11,343	988	8.1	0.71	2	8.59
8	REE	528.99	239.4%	639.08	55.3%	98.3%	18,156	3,306	7.35	1.34	14.19	21.49
9	HAR	6.91	218.4%	9.28	190.9%	15.9%	10,738	448	20.74	0.87	3.62	4.42
10	PGS	45.92	178.0%	97.11	110.7%	53.7%	22,330	5,218	3.89	0.91	6.8	24.35

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG ĐẦU NĂM TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	TCM	35.13	144.8%	57.76	19817.2%	63.9%	14,204	758	19.1	1.02	1.90	5.86
2	FCM	9.90	#DIV/0!	21.66	1323.73%	22.6%	10,949	842	11.9	0.91	4.85	11.11
3	NKG	17.79	817.0%	43.06	1275.72%	114.8%	10,736	(1,991)	-4.5	0.83	(2.53)	(19.23)
4	PPC	355.94	467.1%	1299.95	564.97%	387.6%	15,679	5,411	3.7	1.26	14.41	38.41
5	KSS	3.37	130.3%	9.24	194.09%	#DIV/0!	15,571	760	7.5	0.37	1.44	4.97
6	HAR	6.91	218.4%	9.28	190.91%	15.9%	10,738	448	20.7	0.87	3.62	4.42
7	HNH	3.09	415.3%	1.26	163.96%	40.6%	10,629	356	20.0	0.67	2.07	3.38
8	NDN	5.97	311.7%	6.64	137.14%	53.4%	11,343	988	8.1	0.71	2.00	8.59
9	PGC	22.71	26.7%	43.16	135.08%	66.8%	12,521	1,711	5.7	0.77	5.45	13.99
10	PGS	45.92	178.0%	97.11	110.70%	53.7%	22,330	5,218	3.9	0.91	6.80	24.35

TOP CỔ PHIẾU CÓ KQKD 6 THÁNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN NĂM CAO NHẤT

STT	Mã	LNST Q2 (tỷ)	% so Q2.2012	6T/2013 (tỷ)	% so 6T/2012	% so KH 2013	BVPS (VND)	EPS (VND)	P/E	P/B	ROA (%)	ROE (%)
1	PPC	355.94	467.1%	1299.95	564.97%	387.6%	15,679	5,411	3.7	1.26	14.41	38.41
2	BTP	22.93	-66.6%	70.05	24.5%	130.2%	15,892	2,326	5.4	0.79	6.78	14.39
3	VND	67.48	127.5%	94.76	57.75%	125.1%	11,979	1,136	7.3	0.69	6.60	10.00
4	NKG	17.79	817.0%	43.06	1275.72%	114.8%	10,736	(1,991)	-4.5	0.83	(2.53)	(19.23)
5	PGD	81.44	-71.4%	142.79	-62.74%	110.3%	24,424	(1,605)	-17.6	1.15	(2.96)	(6.77)
6	REE	528.99	239.4%	639.08	55.31%	98.3%	18,156	3,306	7.4	1.34	14.19	21.49
7	BVS	22.02	-60.1%	56.63	-13.62%	97.4%	16,367	952	10.5	0.61	4.47	5.99
8	PSI	-1.43	-135.5%	1.83	-56.64%	91.0%	9,920	(26)	-229.8	0.60	(0.15)	(0.26)
9	HBS	0.07	0.0%	0.13	8.33%	86.7%	11,173	7	578.7	0.35	0.06	0.06
10	VIS	4.54	-59.7%	25.74	24.95%	84.9%	13,892	(257)	-39.7	0.73	(0.47)	(1.87)

Ghi chú: EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

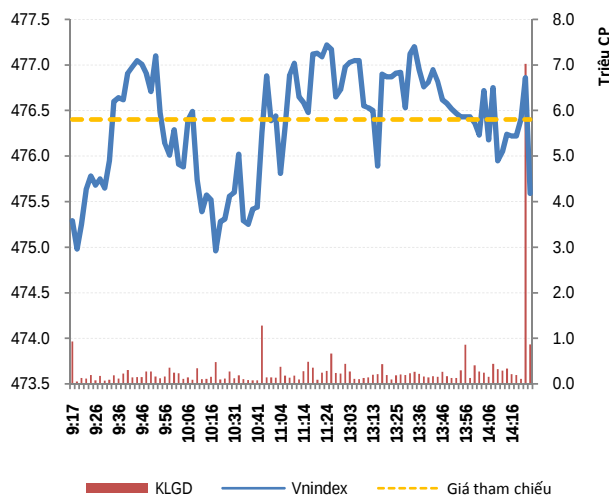
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 12/09/2013.

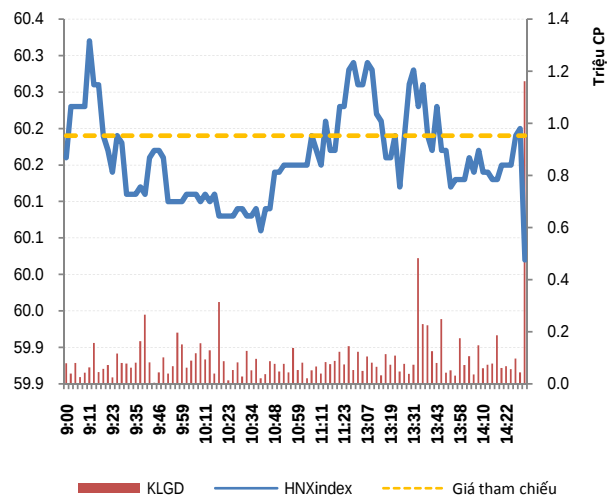


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

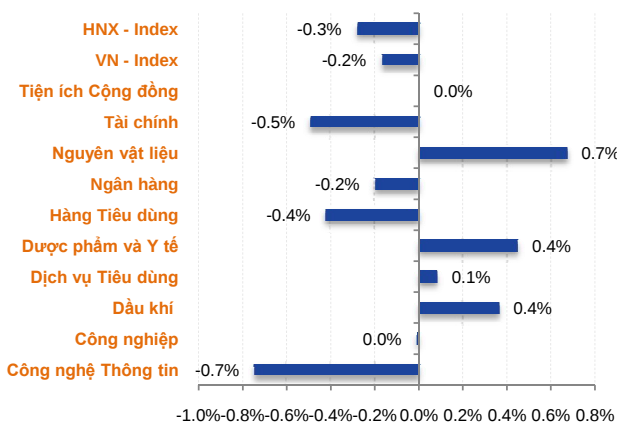
KLGD và VN-Index trong phiên



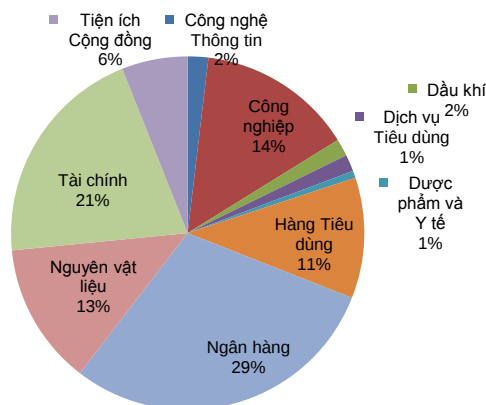
KLGD và HNX-Index trong phiên



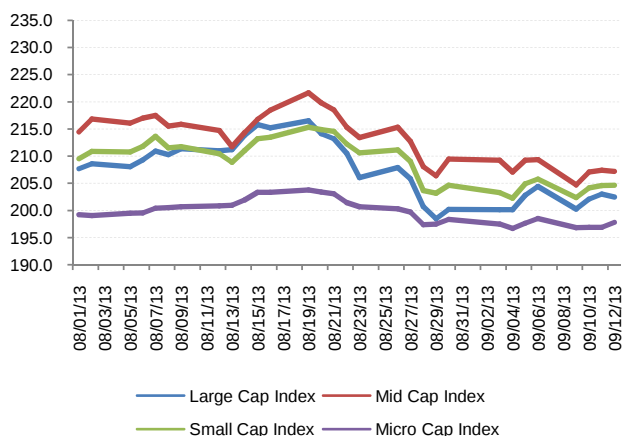
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



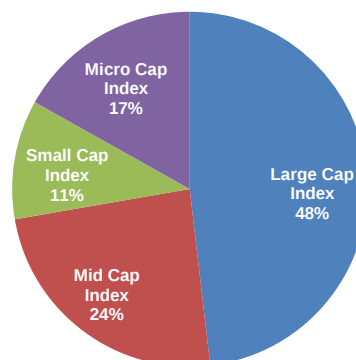
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
 Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVT	410,000	IJC	319,700
2	FLC	150,860	TLH	240,000
3	FCN	142,580	PVF	143,540
4	DPM	105,200	DPR	108,050
5	VSH	99,850	CTG	81,010

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	68,800	IDJ	30,500
2	AAA	35,800	DXP	24,300
3	EFI	11,000	NST	22,900
4	API	7,000	SD6	9,000
5	PVC	6,500	TTZ	7,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
EIB	14.1	14.1	→	0.00%	6,743,500
FLC	4.5	4.8	↑	6.67%	3,476,120
PVT	6.7	7.0	↑	4.48%	1,836,300
ITA	5.5	5.5	→	0.00%	1,378,970
OGC	8.7	8.9	↑	2.30%	1,068,460

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
SHB	6.3	6.4	↑	1.59%	5,053,296
PVX	3.5	3.5	↓	-0.11%	1,016,895
SCR	5.5	5.4	↓	-1.38%	920,057
CMI	6.0	6.4	↑	5.88%	537,000
SHS	5.1	5.1	↑	0.04%	505,700

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TMS	25.0	26.7	1.7	↑ 6.80%
FLC	4.5	4.8	0.3	↑ 6.67%
OPC	64.5	68.5	4.0	↑ 6.20%
NAV	6.5	6.9	0.4	↑ 6.15%
SSC	41.0	43.5	2.5	↑ 6.10%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HHL	0.5	0.6	0.1	↑ 20.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
VNT	22.1	24.3	2.2	↑ 9.95%
HTB	18.4	20.2	1.8	↑ 9.78%
VFR	4.2	4.6	0.4	↑ 9.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.6	0.5	-0.1	↓ -16.67%
DHA	7.2	6.7	-0.5	↓ -6.94%
APC	11.6	10.8	-0.8	↓ -6.90%
PNC	4.6	4.3	-0.3	↓ -6.52%
GTA	8.0	7.5	-0.5	↓ -6.25%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SHN	0.7	0.6	-0.1	↓ -11.29%
FDT	40.8	36.8	-4.0	↓ -9.80%
MIM	7.2	6.5	-0.7	↓ -9.72%
SDN	17.5	15.8	-1.7	↓ -9.71%
VC7	3.1	2.8	-0.3	↓ -9.68%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	6,743,500	8.6%	1,059	13.3	1.2
FLC	3,476,120	4.3%	661	7.3	0.3
PVT	1,836,300	5.6%	630	11.1	0.6
ITA	1,378,970	0.3%	31	179.7	0.4
OGC	1,068,460	-0.4%	(39)	-	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	5,053,296	-2.9%	(335)	-	0.6
PVX	1,016,895	-36.4%	(2,642)	-	0.6
SCR	920,057	-3.1%	(450)	-	0.4
CMI	537,000	-15.9%	(1,535)	-	0.7
SHS	505,700	1.8%	139	36.6	0.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TMS	↑ 6.8%	15.3%	3,904	6.8	1.0
FLC	↑ 6.7%	4.3%	661	7.3	0.3
OPC	↑ 6.2%	20.2%	5,639	12.1	2.4
NAV	↑ 6.2%	2.7%	325	21.2	0.6
SSC	↑ 6.1%	28.0%	5,193	8.4	2.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HHL	↑ 20.0%	-174.4%	(3,688)	-	0.7
VE4	↑ 10.0%	12.1%	1,741	4.6	0.6
VNT	↑ 10.0%	26.2%	4,833	5.0	1.3
HTB	↑ 9.8%	5.0%	551	36.6	1.8
VFR	↑ 9.0%	3.3%	630	7.3	0.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVT	410,000	5.6%	630	11.1	0.6
FLC	150,860	4.3%	661	7.3	0.3
FCN	142,580	29.7%	5,003	3.0	0.6
DPM	105,200	28.7%	7,064	5.9	1.6
VSH	99,850	7.1%	870	15.4	1.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	68,800	16.4%	2,738	5.4	0.9
AAA	35,800	12.2%	3,868	3.4	0.5
EFI	11,000	5.1%	728	8.0	0.5
API	7,000	-37.3%	(4,505)	-	0.6
PVC	6,500	10.0%	1,725	8.1	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	124,123	41.6%	6,429	10.2	3.8
VNM	114,188	40.5%	7,699	17.8	6.7
CTG	61,064	19.2%	2,636	6.2	1.2
MSN	57,822	3.9%	856	95.8	3.8
VCB	56,313	9.9%	1,785	13.6	1.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,103	0.3%	41	375.8	1.1
SQC	8,602	5.8%	720	108.7	6.3
PVS	6,656	16.4%	2,738	5.4	0.9
SHB	5,760	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	4,800	6.5%	639	37.6	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PPC	2.30	38.4%	5,411	3.8	1.3
GMD	2.11	4.7%	1,867	12.5	0.6
TS4	2.05	7.9%	1,504	5.1	0.3
PET	2.02	15.1%	2,689	7.7	1.1
BVH	2.00	9.0%	1,607	22.5	2.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HDA	3.60	14.1%	1,819	3.7	0.6
KMT	3.37	3.9%	468	11.3	0.4
PV2	3.32	-10.2%	(1,072)	-	0.2
DHL	3.23	0.9%	93	33.5	0.3
PVA	3.11	-108.8%	(6,781)	-	0.7



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)